HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2019/NQ-HĐND	*Phú Thọ, ngày 14 tháng 12 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ nguồn vốn đầu tư công năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 5476/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019, Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 và kế hoạch đầu tư công năm 2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Đồng thời phân bổ nguồn vốn đầu tư công năm 2020 cụ thể như sau:

1. Về nguồn vốn đầu tư

Tổng số 2.982.287 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu ngân sách Trung ương (Hỗ trợ có mục tiêu) là 286.400 triệu đồng;

- Vốn Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi (Quyết định 2085): 40.766 triệu đồng;

- Vốn trái phiếu Chính phủ: 96.000 triệu đồng;

- Vốn dự phòng chung kế hoạch trung hạn và khoản điều chuyển từ các dự án quan trọng quốc gia: 274.500 triệu đồng;

- Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia là 801.401 triệu đồng;

- Vốn nước ngoài ODA là 293.400 triệu đồng;

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 1.189.820 triệu đồng.

2. Nguyên tắc, tiêu chí bố trí kế hoạch

a) Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các nghị định hướng dẫn; Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 71/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020; Văn bản số 4538/BKHĐT-TH ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2020.

b) Phương án phân bổ cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân trong năm 2020 và không được vượt quá dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 đã trình cấp có thẩm quyền sau khi trừ đi số vốn đã bố trí trong kế hoạch năm 2016, 2017 và 2018 và 2019.

c) Thứ tự ưu tiên

- Bố trí vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản:

+ Bố trí thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản đối với các công trình, dự án do cấp tỉnh phê duyệt đã hoàn thành quyết toán trước 31 tháng 12 năm 2014, các công trình, dự án quyết toán trong năm 2015, 2016.

+ Bố trí thanh toán một số công trình, dự án khác đã hoàn thành quyết toán trong các năm 2017, 2018, 2019.

+ Hỗ trợ các huyện thanh toán một phần nợ XDCB đối với các công trình, dự án do cấp huyện phê duyệt: Ưu tiên thanh toán hết số nợ trước 31 tháng 12 năm 2014, đối với nợ phát sinh sau 31 tháng 12 năm 2014 ưu tiên các công trình hoàn thành quyết toán; lồng ghép với nguồn ngân sách địa phương để thanh toán các dự án, công trình giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng; trạm y tế, trường học đạt chuẩn; các công trình hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới trong kế hoạch năm 2020; hỗ trợ địa phương có điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, nguồn thu hạn chế.

- Bố trí cho các công trình, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2020.

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, đảm bảo bố trí vốn hoàn thành dự án theo đúng thời gian quy định tại Điều 13 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

- Dự án khởi công mới có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;.

- Đối với vốn nước ngoài, ưu tiên tập trung bố trí vốn cho các dự án kết thúc Hiệp định năm 2020 nhưng không có khả năng gia hạn, các dự án có tiến độ giải ngân tốt.

- Bố trí thu hồi các khoản tạm ứng ngân sách tỉnh 2019.

3. Phương án phân bổ chi tiết.

a) Nguồn vốn đầu tư theo ngành lĩnh vực, chương trình mục tiêu ngân sách Trung ương: Tổng số 423.166 triệu đồng, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu (HTMT): 286.400 triệu đồng, trong đó:

+ Bố trí hoàn trả vốn ứng trước của 02 dự án: 17.850 triệu đồng (Biểu số 1.5);

+ Bố trí vốn cho 12 dự án đầu tư đang triển khai: 268.550 triệu đồng (Biểu số 1.1).

- Vốn Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi (quyết định 2085) 40.766 triệu đồng (Quyết định phân bổ sau).

- Vốn trái phiếu Chính phủ: 96.000 triệu đồng (Biểu số 1.2).

b) Vốn dự phòng chung kế hoạch trung hạn và khoản điều chuyển từ các dự án quan trọng quốc gia: 274.500 triệu đồng; bố trí cho 04 dự án (Biểu số 1.3).

c) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: Tổng số 801.401 triệu đồng (Quyết định phân bổ sau), trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: 160.011 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 641.390 triệu đồng (Biểu số 1.4).

d) Vốn nước ngoài ODA cấp phát từ NSTW: Tổng số vốn đăng ký phân bổ là 293.400 triệu đồng, bố trí cho 06 chương trình, dự án (Biểu số 1.5).

(Sau khi có hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ, Thường trực HĐND tỉnh)

e) Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

Tổng số phân bổ dự kiến là 1.189.820 triệu đồng, trong đó:

- Phần vốn ngân sách tỉnh phân bổ 846.820/1.189.820 triệu đồng, gồm: 511.520 triệu đồng qua cân đối + 257.000 triệu đồng tỷ lệ đất điều tiết + 22.000 triệu đồng xổ số + 56.300 triệu đồng bội thu NSĐP, cụ thể như sau:

+ Bố trí các khoản trả nợ vốn vay, hoàn ứng ngân sách tỉnh và một số nhiệm vụ khác là 201.596 triệu đồng, trong đó: Trả nợ Ngân hàng Phát triển: 126.000 triệu đồng; trả nợ các khoản vay lại vốn vay của Chính phủ: 20.987 triệu đồng; hoàn ứng ngân sách tỉnh BT cầu Đồng Quang 25.000 triệu đồng; hoàn ứng các công trình ngân sách tỉnh 12.609 triệu đồng; chi lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 10.000 triệu đồng; bố trí triển khai quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030: 7.000 triệu đồng.

+ Bố trí thực hiện các công trình dự án là 645.224 triệu đồng, trong đó: Bố trí thanh toán nợ đọng XDCB các công trình hoàn thành quyết toán thuộc nhiệm vụ ngân sách tỉnh (Bao gồm cả công trình quyết toán thuộc phần đối ứng NSTW): 138.614 triệu đồng, trong đó bố trí vốn 100% các công trình quyết toán năm 2014, 2015, 2016. Đối với các công trình quyết toán các năm 2017, 2018, 2019 và công trình quyết toán thuộc phần đối ứng NSTW bố trí 100% đối với công trình có giá trị nợ nhỏ và bố trí tối thiểu 30% đối với công trình có giá trị nợ lớn (Để đảm bảo cân đối); bố trí cho các công trình chuyển tiếp: 196.040 triệu đồng; bố trí cho các công trình khởi công mới: 10.000 triệu đồng; hỗ trợ lồng ghép với ngân sách địa phương thực hiện công trình giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, trạm y tế, trường học đạt tiêu chí nông thôn mới và hỗ trợ thanh toán nợ đọng XDCB: 300.570 triệu đồng.

- Ngân sách huyện, xã từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo tỷ lệ điều tiết là 343.000 triệu đồng: Bố trí đảm bảo theo tiêu chí, nguyên tắc chung, dành một phần kinh phí bố trí cho công tác xử lý, bảo vệ môi trường và lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Các nội dung phân bổ chi tiết tại biểu số 1, 2, 3 kèm theo)

g) Đối với nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ:

Giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch phân bổ vốn, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến khi có tiền thu được từ việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo nguyên tắc: Ưu tiên bố trí cho các công trình xây dựng, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị được xử lý, sắp xếp tài sản. Nguồn vốn còn lại ưu tiên bố trí cho các công trình, dự án cấp tỉnh và các công trình phục vụ Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết;

2. Đối với những chương trình, dự án quyết định phân bổ sau, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân trước khi ra quyết định phân bổ;

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XVIII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (các Bộ: KH&ĐT, Tài chính);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, TH (T…b).

CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019,
NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A+B+C)	**12.125.960**	**2.628.212**	**2.827.428**	**2.982.287**	
A	**Vốn NSTW**	**9.093.103**	**1.416.193**	**2.827.428**	**1.792.467**	
I	**Vốn trong nước**	**7.136.102**	**915.283**	**2.566.536**	**1.499.067**	
1	Vốn đầu tư theo ngành lĩnh vực, chương trình mục tiêu	**4.221.900**	**502.520**	**826.871**	**423.166**	
-	Chương trình mục tiêu (HTMT)	3.357.900	502.520	826.871	286.400	
-	Vốn Chương trình 2085				40.766	Quyết định phân bổ sau
-	Vốn trái phiếu Chính phủ	864.000		0	96.000	
2	Dự phòng chung kế hoạch trung hạn và khoản điều chuyển từ các dự án quan trọng quốc gia	**1.181.517**	**31.500**	**1.126.805**	**274.500**	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia (không bao gồm vốn sự nghiệp)	**1.732.685**	**381.263**	**612.860**	**801.401**	Quyết định phân bổ sau

-	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	1.160.190	242.100	549.980	641.390	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	572.495	107.663	94.380	160.011	
II	**Vốn nước ngoài ODA**	**1.957.001**	**500.910**	**260.892**	**293.400**	
B	**Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương**	**3.032.857**	**1.061.419**		**1.133.520**	
C	**Bội thu ngân sách địa phương**		**150.600**		**56.300**	

Biểu số 1.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSTW (VỐN TRONG NƯỚC KHÔNG BAO GỒM VỐN TPCP) NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019		Số vốn Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 còn lại		Kế hoạch năm 2020			
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó:*	Tổng số	*Trong đó:*		
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*
	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NSTW (HTMT)		**3.297.299**	**2.361.543**	**308.638**		**540.660**	**52.500**		**286.400**	**17.850**	
I	**Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng**		**1.572.353**	**970.750**	**59.000**		**93.250**			**46.000**		
1	Cải tạo, gia cố và nâng cấp đường Âu Cơ (đoạn từ điểm đầu giao với đường Hùng Vương đến Km59 đê hữu sông Lô)	1118/QĐ-UBND 27/4/2010; 2473/QĐ-UBND 13/8/2010; 2640/QĐ-UBND 30/10/2015; 1368/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	419.400	165.000	28.000		32.000			2.000		

2	Đường Tân Phú - Xuân Đài (giai đoạn 2)	2642/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1373/QĐ-UBND ngày 14/6/2019; 2045/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	139.059	115.000	5.000		6.000			5.000		
3	Dự án tuyến đường từ cầu Kim Xuyên đến Quốc lộ 2 và đường Hồ Chí Minh	1197/QĐ-UBND ngày 8/5/2012; 2768/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 771/QDD-UBND, 10/4/2014; 2046/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	348.065	300.000	7.000		22.000			22.000		
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu Ngòi Trang, Ngòi Hiêng, huyện Hạ Hòa (GĐ1 + GĐ2)	2402/QĐ-UBND, 12/9/2012; 2747/QĐ-UBND, 30/10/2013; 2679/QĐ-UBND, 31/10/2014; 1371/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	425.219	350.000	19.000		30.500			15.000		
5	Xây dựng hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Quốc gia Đền Hùng đi cầu Phong Châu	2794/QĐ-UBND 31/10/2013; 1961/QĐ-UBND 26/8/2014; 304/QĐ-UBND, 17/2/2017; 612/QĐ-UBND ngày 21/3/2019; 1732/QĐ-UBND ngày 17/7/2019	240.610	40.750			2.750			2.000		

II	**Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư**		**499.603**	**499.603**	**50.500**		**147.750**			**106.175**		
6	Cải tạo, gia cố và nâng cấp tuyến đê tả sông Thao đoạn Km64 - Km80,1 từ thị xã Phú Thọ đến cầu Phong Châu (Giai đoạn I: Đoạn từ Km64-Km75 và Tuyến nhánh đê tả ngòi Lò Lợn)	607/QĐ-UBND, 17/3/2016; 1372/QĐ-UBND ngày 14/6/2019; 2042/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	499.603	499.603	50.500		147.750			106.175		
III	**Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững**		**192.800**	**181.990**	**27.000**		**44.000**			**6.100**		
7	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Xuân Sơn giai đoạn 2016-2020	638/QĐ-UBND, 18/3/2016; 1377/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	129.990	129.990	20.000		40.000			5.000		
8	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cấp bách giai đoạn 2015-2020	499/QĐ-UBND, 10/3/2016; 1378/QĐ-UBND ngày 14/6/2019; 2037/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	62.810	52.000	7.000		4.000			1.100		
IV	**Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa**		**503.710**	**316.200**	**60.000**		**120.461**			**34.513**		

9	Hoàn thiện tu bổ, tôn tạo hạ tầng, cảnh quan Trung tâm lễ hội Khu di tích lịch sử Đền Hùng	710/QĐ-UBND, 30/3/2016; 1219/UBND-KTTH ngày 31/3/2017; 1367/QĐ-UBND ngày 14/6/2019; 2038/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	503.710	316.200	60.000		120.461			34.513		
V	**Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch**		**296.594**	**195.000**	**22.138**		**67.662**			**67.662**		
10	Hồ Công viên Văn Lang giai đoạn 2016-2020	711/QĐ-UBND, 30/3/2016; 1573/QĐ-UBND ngày 30/6/2017; 1395/QĐ-UBND ngày 15/6/2018	296.594	195.000	22.138		67.662			67.662		
VI	**Chương trình mục tiêu Quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm**		**100.361**	**90.000**	**15.000**		**11.518**			**3.100**		
11	Cải tạo, nâng cấp đường nối các xã vùng 229 huyện Yên Lập gồm các xã (Phúc Khánh, Thượng Long, Nga Hoàng và Xuân Thủy)	04/QĐ-UBND, 04/3/2016	100.361	90.000	15.000		11.518			3.100		

VII	**Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**		**131.878**	**108.000**	**35.000**		**5.480**			**5.000**		
12	Đường nối từ QL32C vào Khu công nghiệp Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê (đoạn từ nút 12 đến nút 19)	359/QĐ-UBND ngày 22/02/2016; 809/QĐ-UBND, 8/4/2016; 1380/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	131.878	108.000	35.000		5.480			5.000		
VIII	**Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA**				**40.000**		**50.539**	**52.500**		**17.850**	**17.850**	

Biểu số 1.2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ (BAO GỒM DỰ PHÒNG 10%)

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2020	Ghi chú
		TMĐT			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW, TPCP		
	TỔNG SỐ	**1.132.730**	**1.000.000**	**96.000**	
I	**Bố trí vốn để thu hồi ứng trước**	**40.000**	**40.000**	**346**	
-	Xử lý sạt lở sông đoạn Km 63,5-km 65 đê Hữu Thao xã Tam Cường huyện Tam Nông	40.000	40.000	346	Bố trí vốn để thu hồi ứng trước theo Quyết định số 1897/QĐ-TTg, ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ
II	**Lĩnh vực giao thông**	**881.100**	**770.000**	**76.654**	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối QL.32 với QL.70B của tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Hòa Bình	881.100	770.000	76.654	
III	**Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học**	**211.630**	**190.000**	**19.000**	Quyết định phân bổ sau

Biểu số 1.3

PHÂN BỔ DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020 VÀ KHOẢN VỐN 10.000 TỶ ĐỒNG ĐIỀU CHỈNH GIẢM CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục	Nhu cầu 2020	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**515.000**	**274.500**	
1	**Các dự án dự kiến sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**	**450.000**	**242.000**	
-	Dự án trạm bơm tiêu Sơn Tình, huyện Cẩm Khê (Giai đoạn I xây dựng đầu mối trạm bơm và kênh chính Km0 đến Km9+400)	150.000	150.000	
-	Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ nút giao với đường Hùng Vương đến Khu di tích quốc gia Đền Hùng	170.000	37.000	
-	Dự án hoàn thiện tu bổ, tôn tạo, hạ tầng, cảnh quan Khu Trung tâm lễ hội (Khu di tích Đền Hùng)	130.000	55.000	
2	**Các dự án dự kiến sử dụng nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia**	**65.000**	**32.500**	
-	Tuyến đê hữu sông Thao đoạn từ Km52-Km69, huyện Tam Nông	65.000	32.500	

Biểu số 1.4

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục, chỉ tiêu	Vốn CTMTQG năm 2020	CTMTQG Giảm nghèo bền vững	CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**801.401**	**160.011**	**641.390**	
	Huyện, thị, thành	**801.401**	**160.011**	**641.390**	
1	Huyện Tân Sơn	153.972,08	96.133,10	57.838,98	
2	Huyện Thanh Sơn	98.512,27	13.446,18	85.066,09	
3	Huyện Yên Lập	67.298,30	8.597,46	58.700,84	
4	Huyện Cẩm Khê	91.148,14	14.703,40	76.444,73	
5	Huyện Thanh Ba	89.939,70	12.203,27	77.736,43	
6	Huyện Hạ Hòa	79.623,45	8.696,34	70.927,11	
7	Huyện Đoan Hùng	64.132,92	6.056,23	58.076,69	
8	Huyện Tam Nông	32.914,84	175,02	32.739,83	
9	Huyện Phù Ninh	40.665,25		40.665,25	
10	Huyện Lâm Thao	30.237,29		30.237,29	
11	Huyện Thanh Thủy	27.910,17		27.910,17	
12	Thành phố Việt Trì	14.364,40		14.364,40	
13	Thị xã Phú Thọ	10.682,20		10.682,20	

Biểu số 1.5

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI ODA NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư						Trung hạn còn lại tính theo số giải ngân từng năm đến hết 2019					Kế hoạch 2020					Ghi chú
		Số quyết định	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW	
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
				Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ nghìn USD	Quy đổi ra tiền Việt			NSTW	Vốn khác				NSTW	Vốn khác		
	TỔNG SỐ		**3.478.549**	**872.066**	**525.841**	**94.418**	**2.606.483**	**426.324**	**50.539**	**50.539**		**375.785**	**311.250**	**17.850**	**17.850**		**293.400**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Thanh Sơn (Tỉnh lộ 316D- Tân Lập – Yên Lương – Yên Sơn)	2816/QĐ-UBND, 3/10/2008; 2035/QĐ-UBND, 17/6/2011 1158/QĐ-UBND, 10/5/2013	158.352	102.892	48.999		55.460	2.500	2.500	2.500			2.500	2.500	2.500			Thu hồi ứng trước
2	PTTD KTXH các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng-HP dự án tại TP Việt Trì	2036/QĐ-UBND, 28/9/11	1.101.760	415.360	290.752	32.000	686.400	74.911	45.752	45.752		29.159	15.350	15.350	15.350			Thu hồi ứng trước

3	Trạm bơm tiêu Bình Bộ, huyện Phù Ninh	3007/QĐ-UBND, 25/11/2013 1966/QĐ-UBND, 26/8/2014; 3213/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; 923/QĐ-UBND ngày 27/4/2017; 2124/QĐ-UBND ngày 28/6/2018; 1540/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	258.326	58.114	40.680	9.500	200.212	8.641	2.287	2.287		6.354	6.354				6.354	Sở NN& PTNT
4	Dự án thành phần sửa chữa, nâng cao an toàn đập tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	673/QĐ-UBND, 24/3/2016	216.830	11.470		9.130	205.360	48.904				48.904	29.216				29.216	Sở NN& PTNT
5	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2016	235.476	19.530		10.000	215.946	116.631				116.631	83.093				83.093	Sở NN& PTNT
6	Hỗ trợ chính sách phát triển năng lượng và tăng cường tiếp nhận năng lượng bền vững tới khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo	1651/QĐ-TTg ngày 27/10/2017;3337/QĐ-BCT ngày 17/9/2018; 729/QĐ-UBND ngày 5/4/2019	123.529	18.529			105.000	29.400				29.400	29.400				29.400	Sở Công thương
7	Phát triển nông nghiệp có tưới WB7	1357/QĐ-BNN-XD; 3456/QĐ-UBND	496.186	66.193	42.378		429.993	100.000				100.000	100.000				100.000	Sở NN& PTNT

8	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải TP Việt trì	309/QĐ-UBND, 2/2/2010; 2737/QĐ-UBND, 29/10/2013	841.390	168.278	103.032	32.253	673.112	45.337				45.337	45.337				45.337	Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ

Biểu số 02

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XDCB TẬP TRUNG) NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT, QT*			
A	**TỔNG SỐ VỐN GIAO**				**1.189.820**	
	Trong đó:					
1	Cân đối ngân sách địa phương				511.520	
2	Thu tiền sử dụng đất (Bộ Tài chính giao)				600.000	
	+ Điều tiết cho ngân sách huyện và xã				343.000	
	+ Chi môi trường, lập hồ sơ địa chính và các nhiệm vụ chi khác				257.000	
3	Thu xổ số kiến thiết				22.000	
4	Bội thu ngân sách địa phương (theo báo cáo số 483/BC-CP ngày 13/10/2019 của Chính phủ)				56.300	
B	**KẾ HOẠCH PHÂN BỔ**				**846.820**	
*	Số vốn ngân sách tỉnh được phân bổ: 846.820 triệu đồng (511.520 + 22.000 + 257.000+56.300 triệu đồng)					
*	Nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất do huyện, xã phân bổ: 343.000 triệu đồng					
1	**Nguồn thu tiền sử dụng đất (257 tỷ) + Nguồn bội thu NSĐP (56,3 tỷ)**				**313.300**	
1.1	Trả nợ Ngân hàng Phát triển				**126.000**	Trong đó: 56,3 tỷ từ nguồn bội thu NSĐP
1.2	Trả các khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính Phủ				**20.987**	
1.3	Hoàn ứng ngân sách tỉnh hợp đồng BT cầu Đồng Quang				**25.000**	
1.4	Chi lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					

				10.000	
1.5	Bố trí triển khai Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030			**7.000**	
1.6	Hoàn ứng vốn ngân sách tỉnh			**12.609**	
	(1) Hoàn ứng ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở			6.609	
	(2) Sở chỉ huy dã chiến, chỉ huy phòng chống chữa cháy rừng; kết hợp trải nghiệm và giáo dục quốc phòng tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng			3.000	Bộ CHQS tỉnh
	(3) Trung tâm hành chính công và điều hành đô thị thông minh			3.000	Văn phòng UBND tỉnh
1.7	Hỗ trợ lồng ghép với nguồn ngân sách địa phương thực hiện công trình giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, trạm y tế, trường học đạt tiêu chí nông thôn mới và hỗ trợ thanh toán nợ đọng XDCB			**111.704**	Chi tiết tại mục C
2	**Nguồn cân đối qua ngân sách địa phương 511,52 tỷ đồng + 22 tỷ đồng thu sổ xố kiến thiết**			**533.520**	
2.1	Thanh toán Nợ đọng XDCB các công trình hoàn thành, quyết toán thuộc nhiệm vụ NS tỉnh (bao gồm cả Công trình quyết toán thuộc phần đối ứng NSTW)			**138.614**	Chi tiết tại mục C
	- Bố trí cho các dự án nợ XDCB phát sinh trước ngày 31/12/2014 đã quyết toán			46.804	
	- Bố trí cho các dự án quyết toán năm 2015 và 2016			19.027	
	- Thanh toán một số công trình, dự án hoàn thành, quyết toán năm 2017, 2018, 2019 và công trình quyết toán thuộc phần đối ứng NSTW			72.783	
2.2	Công trình chuyển tiếp			**196.040**	Chi tiết tại mục C
2.3	Các công trình, dự án khởi công mới			**10.000**	Chi tiết tại mục C
2.4	Hỗ trợ lồng ghép với nguồn ngân sách địa phương để thanh toán nợ đọng XDCB các dự án, công trình giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, trạm y tế, trường học đạt chuẩn và nông thôn mới			**188.866**	Chi tiết tại mục C
C	**BỐ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN**			**645.224**	
I	**Công trình, dự án cấp tỉnh quản lý**			**344.654**	
1	**Công trình, dự án đã hoàn thành, quyết toán**			**138.614**	

1.1	**Bố trí các công trình, dự án nợ XDCB phát sinh trước ngày 31/12/2014 đã quyết toán**		**3.174.884**	**2.287.800**	**46.804**	
-	Đường nối từ Cảng đến QL2 và đường CTSL (Thuộc dự án xây dựng hạ tầng bến cảng sông Lô, huyện Đoan Hùng)	601/QĐ-UBND ngày 28/02/2011; 2710/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	15 125	12 959	367	UBND huyện Đoan Hùng
-	Đường cứu hộ, cứu nạn, tránh lũ xã Yên Kiện huyện Đoan Hùng	225/QĐ-UBND ngày 02/02/12; 1705/QĐ-UBND ngày 17/7/2017	44 936	40 451	870	UBND huyện Đoan Hùng
-	Đường nối từ đường tỉnh 317 vào đền Lăng Sương xã Trung Nghĩa	Số 2286/QĐ-UBND ngày 13/10/2014	18 180	13 042	230	UBND huyện Thanh Thủy
-	Đường GTNT xã Đồng lạc	QĐ số 1381/QĐ-UBND tỉnh ngày 13/6/2016	14 455	14 300	155	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp đường Xuân An - Mỹ Lung huyện Yên Lập, (giai đoạn 1: từ KM0+K8+851)	588/QĐ-UBND ngày 01/7/2010	35 134	34 307	827	UBND huyện Yên Lập
-	Trung tâm PTTH tỉnh Phú Thọ	473/QĐ-UBND ngày 15/9/2000	37 101	36 305	796	Đài PTTH tỉnh
-	Cải tạo, nâng cấp Sân vận động Việt Trì	3969/QĐ-UBND Ngày 03/12/2010	97 100	90 720	3.410	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Tu bổ, tôn tạo đình Lâu Thượng (GĐ I)	864/QĐ-UBND ngày 19/4/2007	10 120	9 973	147	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Dự án ĐTXD Khu di tích khảo cổ Làng Cả	275/QĐ-SVHTTDL ngày 27/9/2012	1 742	1 634	108	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Nhà hát Lạc Hồng tỉnh Phú Thọ	2653/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	798 544	3 000	542	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Dự án Tôn tạo cảnh quan hồ cây Xẻn và mở rộng vườn cây lưu niệm Đền Hùng	3194/QĐ-UBND 9/10/2009; 3518/QD-UBND 04/11/2011	29 474	28 698	776	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Dự án Cổng biểu tượng vào Khu di tích lịch sử Đền Hùng	3456/QĐ-CT 16/10/2003; 2474/QĐ-UBND19/9/2012	20 263	19 889	374	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Dự án Bức tranh ngày hội non sông trên Đất Tổ	1415/QĐ-UBND 4/6/2009; 2575/QĐ-UBND 09/8/2011	33 147	29 752	3.395	Khu di tích lịch sử Đền Hùng

-	Dự án Tu bổ, tôn tạo Đền Hạ	3078/QĐ-UBND 1/10/2010; 855/QĐ-UBND 29/3/2012	23 497	23 395	102	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Dự án Nhà luyện tập và thi đấu thể thao tỉnh Phú Thọ	2787/QĐ-UBND 8/9/2010; 2788/QĐ-UBND 8/9/2010; 2789/QĐ-UBND 8/9/2010	59 615	58 307	1.308	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Dự án Hệ thống cấp nước các hồ cảnh quan và phòng chống cháy rừng	89/QĐ-UBND 07/01/2011	127 172	124 704	2.468	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Dự án Hạ tầng kỹ thuật cảnh quan hồ Mẫu (giai đoạn 1)	3044/QĐ-UBND 07/11/2012	58 292	57 323	970	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Dự án Tu bổ, tôn tạo Đền Trung	1315/QĐ-UBND, 26/5/2009	33 942	33 825	117	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Dự án Tu bổ, tôn tạo Đền Thượng	1014/QĐ-UBND 08/5/2007	35 707	35 378	329	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Dự án Đền thờ Lạc Long Quân (giai đoạn 1)	2484/QĐ-UBND 06/9/2006, 1943/QĐ-UBND 11/7/2008	35 707	35 539	168	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp và gia cố tuyến đê tả ngòi Vĩnh Mộ	1982/QĐ-UBND 20/7/2009; 2130/QĐ-UBND 8/8/2012; 1776/QĐ-UBND ngày 20/7/2016	90 320	88 464	1.856	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thuỷ sản huyện Cẩm Khê	3073/QĐ-UBND ngày 21/11/2007; 1352/QĐ-UBND ngày 31/5/2013	15 481	14 405	1.076	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo, nâng cấp đoạn 1,5km qua thị trấn Hưng Hóa thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn Tân Phương - Hưng Hóa	1336/QĐ-UBND ngày 17/6/2014	30 080	29 204	876	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đoạn Km2,4-:-Km4,4 đê hữu Lô, xã Chí Đám; đoạn Km3,3-:-Km4,3 đê tả Lô, xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng.	406/QĐ-SNN ngày 10/9/2012	65 286	64 122	1.164	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xử lý sạt lở bờ vở sông đoạn K0-K10 đê tả đà và đê hữu ngòi Lạt huyện Thanh Sơn	QĐ số 3013/QĐ-UBND ngày 29/7/2011	248 469	241 377	7.092	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đoạn Km36-:-Km37,2 đê hữu sông Lô, xã Trị Quận, huyện Phù Ninh	487/QĐ - SNN ngày 22/10/2012	106 275	105 215	1.060	Sở Nông nghiệp và PTNT

-	Xử lý sạt lở bờ, vở sông đoạn K17,3-K19,8 đê tả sông Thao, thuộc thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa .	18/QĐ - SNN ngày 22/1/2013	43 193	42 285	908	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ, vở sông đoạn Km73,3-Km73,7 đê hữu sông Thao Thuộc thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông.	657/QĐ-SNN ngày 24/10/2013	10 595	10 459	136	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Đường tránh lũ và sơ tán dân đi qua địa bàn các xã: Hương Lung, Cấp Dẫn, Tùng Khê, Đồng Cam, Thụy Liễu, Ngô Xá, Phượng Vỹ, Văn Bán thuộc huyện Cẩm Khê (đoạn Cấp Dẫn - Đường tỉnh 321C)	2910/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	24 210	23 998	212	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất chuyên dùng của Trung tâm giống vật nuôi Phú Thọ	3800/QĐ-UBND ngày 23/11/2010	11 640	10 384	1.256	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Dự án đường nối QL32C-QL70 và xây dựng cầu Hạ Hòa	523/QĐ-UBND ngày 08/3/2007;…. 1268/QĐ-UBND ngày 24/5/2013	573 637	568 781	4.856	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông huyện Thanh Ba tuyến Đông Thành Thanh Xá	3836/QD; 25/11/2010	32 924	28 604	355	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp đường đến trung tâm xã Vân Lĩnh huyện Thanh Ba	1263/QĐ-UBND; 11/5/2010	43 390	42 157	350	UBND huyện Thanh Ba
-	Mở rộng đường vào làng nghề phía nam huyện Thanh Ba	4568/QĐ-UBND; 31/12/2010	24 760	19 161	789	UBND huyện Thanh Ba
-	Đường từ kho muối (TL314) xã Ninh Dân đi lữ đoàn 168 xã Chí Tiên	2558/QĐ-UBND ngày 08/8/2011	36 036	21 668	361	UBND huyện Thanh Ba
-	Hệ thống mạng ống truyền dẫn và phân phối nước sạch thị trấn Hưng Hóa và các xã lân cận huyện Tam Nông	Số 3085/QĐ-UBND ngày 29/10/2008	63 465	59 670	500	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Bảo Thanh - Hạ Giáp	3573 ngày 09/11/2010	36 763	29 668	2.069	UBND huyện Phù Ninh
-	KCN Thụy vân (các hạng mục, công trình phụ trợ quyết toán trước 31/12/2014)	836/QĐ-TT ngày 07/10/1997; 4209/QĐ-CT ngày 16/12/2003; 2059/QĐ-CIT ngày 07/7/2004	34 298	33 460	838	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp
-	KCN Thụy vân (các hạng mục, công trình phụ trợ quyết toán trước 31/12/2015)	836/QĐ-TT ngày 07/10/1997; 4209/QĐ-CT ngày 16/12/2003; 2059/QĐ-CT ngày 07/7/2004	72 904	70 868	2.036	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp
-	Các công trình, hạng mục Cụm công nghiệp Bạch Hạc + các công trình phụ trợ quyết toán trước 31/12/2014	2829/QĐ-CT ngày 03/9/2003	49 903	49 053	850	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp
-	Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Phú Thọ	1008/QĐ-UBND ngày 07/5/2007	29 853	29 708	145	Trung tâm giới thiệu việc làm
-	Nhà lớp học mẫu 10P1 trường THPT Lương Sơn	831/QĐ-UBND ngày 22/03/2004	998	653	345	Trường THPT Lương Sơn
-	Nhà ăn + Hội trường 2 tầng Trường DTNT Yên Lập	08/QĐ-TrDTNT ngày 28/9/2007	1 152	937	215	Trường PT DTNT THCS&THPT Yên Lập, huyện Yên Lập

1.2	**Bố trí cho các dự án hoàn thành, quyết toán năm 2015, 2016**		**1 300 405**	**1 279 520**	**19.027**	
-	Cải tạo, sửa chữa 02 nhà lớp học 2 tầng, 20 phòng học và xây dựng nhà điều hành trường THPT Cẩm Khê	1685/QĐ-UBND ngày 27/6/2012	11 147	10 531	616	Trường THPT Cẩm Khê
-	Đường 27/7 đi Viện Lao	QĐ số 602/QĐ-UBND ngày 10/03/2008; văn bản số 1416 /QĐ-UBND ngày 23/5/2008	14.783	14 139	644	UBND thị xã Phú Thọ
-	KCN Thụy vân (các hạng mục, công trình phụ trợ quyết toán trước 31/12/2016)	836/QĐ-TT ngày 07/10/1997; 4209/QĐ-CT ngày 16/12/2003; 2059/QĐ-CT ngày 07/7/2004	24 294	23 973	321	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp
-	Các công trình, hạng mục KCN Trung Hà + công trình phụ trợ quyết toán trước 31/12/2015	1979/QĐ-UBND ngày 27/7/2005	8 839	8 735	104	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp
-	Các công trình, hạng mục KCN Trung Hà + công trình phụ trợ quyết toán trước 31/12/2016	1979/QĐ-UBND ngày 27/7/2005	15 810	15 679	131	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp
-	dự án: Sửa chữa nhà làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	Số 2479/QĐ-UBND ngày 19/9/2012	5 755	5 575	180	Sở Tài nguyên và Môi trường
-	Nhà ký túc xá học sinh và Nhà ở tập thể giáo viên - Trường DTNT Yên Lập	721/QĐ-CT ngày 12/3/2004	1 757	1 380	377	Trường PT DTNT THCS&THPT Yên Lập, huyện Yên Lập
-	Nhà lớp học mẫu 9a trường THPT Lương Sơn	341/QĐ-UBND ngày 10/02/2003	965	819	146	Trường THPT Lương Sơn
-	Nhà làm việc cho các tổ bộ môn và họp hội đồng sư phạm; san nền cục bộ mở rộng sân vận động Trường THPT Thanh Ba	2653/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	4 290	4 160	130	Trường THPT Thanh Ba
-	Dự án Hạ tầng kỹ thuật - Trường ĐHHV	3250/QĐ-CT, 22/10/2004; 1230, 04/05/2006; 3014/QĐ-UBND, 01/10/2009	424 416	423 971	445	Trường ĐH Hùng Vương
-	Dự án Khu ký túc xá - Trường ĐHHV	2802/QĐ-UBND, 26/10/2017; 1276/QĐ-UBND, 01/6/2016; 1081/QĐ-UBND, 11/05/2016; 2231/QĐ-UBND, 14/9/2015; 1372/QĐ-UBND, 10/6/2016; 2423/QĐ-UBND, 09/10/2015; 2962/QĐ-UBND, 01/12/2015	236 959	235 059	1.900	Trường ĐH Hùng Vương
-	Dự án Khoa Đại học Kinh tế - Trường ĐHHV	3132QĐ-UBND, 23/11/2007; 3014/QĐ-UBND, 01/10/2009	69 367	68 281	1.086	Trường ĐH Hùng Vương
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tuyến Phú Lạc - Đồng Lạc, huyện Cẩm Khê và huyện Yên Lập	1735/QĐ-UBND ngày 13/7/2014	55 881	55 673	208	Sở Nông nghiệp và PTNT

-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tuyến Thượng Cửu - Đông Cửu, huyện Thanh Sơn	925/QĐ-UBND ngày 12/4/2013	26 667	26 525	142	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Công trình: Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở, vỡ sông đoạn Km72,55-Km73,3 đê hữu sông Thao thuộc xã Hương Nộn và thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông.	858/QĐ-SNN ngày 19/10/2015	1 928	1 020	908	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 32C đi Hiền Đa, Văn Khúc và tuyến đường từ Quốc lộ 32C qua Cát Trù, Văn Khúc đi tỉnh lộ 329 kết hợp làm đường sơ tán dân huyện Cẩm Khê	247/QĐ-UBND ngày 21/01/2012; 2748/QĐ-UBND ngày 17/10/2012	52 459	50 982	1.477	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Đường ô tô đến trung tâm xã khó khăn huyện Tân Sơn, tuyến đường đến xã Tam Thanh	498/QĐ-UBND ngày 01/3/2010; 1047/QĐ-UBND ngày 30/5/2012	42 263	41 940	323	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Gói KSTK Cầu Đông Quang và đường kết nối cầu Đồng Quang với tỉnh lộ 316.	1119/QĐ-UBND ngày 07/5/2013; 1669/QĐ-UBND ngày 04/7/2013	1 013	738	275	Sở Giao thông vận tải
-	Xây dựng bến xe khách Tân Sơn kết hợp trụ sở làm việc của đội Thanh tra giao thông	1367/QĐ-UBND ngày 24/6/2015	5 762	5 207	555	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, nâng cấp đường nối QL2 (ngã ba Đền Hùng) đến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc xã Hùng Lô, TP. Việt Trì	308/QĐ-UBND ngày 12/02/2014	52 537	47 537	5.000	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL2 đến Khu di tích lịch sử Quốc gia Đền Hùng	1078/QĐ-UBND ngày 15/5/2014	85 000	84 071	929	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, nâng cấp, xây mới một số hạng mục các trụ sở làm việc trong UBND tỉnh	2525/QĐ-UBND ngày 22/10/2014	35 425	34 074	1.351	Văn phòng UBND tỉnh
-	Đường Quang Húc - Tề Lễ	Số 1559/QĐ-UBND ngày 17/6/2009	114 886	113 452	433	UBND huyện Tam Nông
-	Trung tâm văn hóa lễ hội chọi trâu Phù Ninh	2449 ngày 19/8/2009; 430 ngày 08/3/2011	8.202	6 000	1.346	UBND huyện Phù Ninh
1.3	**Bố trí thanh toán một số dự án, công trình hoàn thành, quyết toán các năm 2017, 2018, 2019 và phần đối ứng NSTW**		**3.811.332**	**3.478.168**	**72.783**	
-	Cải tạo, nâng cấp đường nối QL 2 vào KCN Thuỵ Vân	Số 1105/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 - QT	8 145	6 354	1 791	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp
-	Cải tạo, nâng cấp hồ hố 7, xã Quảng Nạp thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước bị xuống cấp trên địa bàn huyện Thanh Ba	3707/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	2 861	2 283	578	Sở Nông nghiệp và PTNT

-	Đường sơ tán dân thuộc xã Bảo Yên, Sơn Thủy, Tất Thắng -huyện Thanh Thủy và Thanh Sơn - Hạng mục nền đường, mặt đường, công trình thoát nước, công trình phòng hộ và an toàn giao thông đoạn Bảo Yên - đập Suối Rồng	1285/QĐ-UBND 09/6/2014; 1149/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	35 975	27 330	2 691	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Trung tâm học tập cộng đồng xã Đại An, huyện Thanh Ba	2862/QĐ-UBND ngày 13/10/2011	2 403	1 714	689	UBND xã Đại An, huyện Thanh Ba
-	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học trường Tiểu học thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	1819/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	2 361	1 630	500	UBND huyện Yên Lập
-	Nhà lớp học và phòng chức năng Trường THPT kỹ thuật Việt Trì	824/QĐ-UBND 14/4/2017	7 063	6 450	613	Trường THPT kỹ thuật Việt Trì
-	Nhà ăn 2 tầng - Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Đoan Hùng	1131/QĐ-UBND ngày 22/5/2018	5 542	2 800	2.742	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng
-	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học Trường THPT Hưng Hóa	2652/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	6 454	5 549	905	Trường THPT Hưng Hóa
-	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng học trường THPT Trung Giáp	1893/QĐ-UBND ngày 12/7/2012; 1642/QĐ-UBND ngày 7/7/2016	4 677	4 294	383	Trường THPT Trung Giáp
-	Dự án Khoa Đại học Nông Lâm nghiệp - Trường ĐH Hùng Vương	3251/QĐ-CT, 22/10/2004; 1229/QĐ-UBND, 04/5/2006; 3014/QĐ-UBND, 01/10/2009	78 969	72 448	3.800	Trường ĐH Hùng Vương
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Nhà Rều, xã Sơn Cương thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước bị xuống cấp trên địa bàn huyện Thanh Ba	2410/QĐ-UBND, 13/9/2012	2 737	1 924	800	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Đường nối QL32C vào Khu công nghiệp Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê	48/QĐ-UBND ngày 13/01/2015; 2156/QĐ_UBND ngày 29/8/2016	154 754	137 930	8.500	Sở Giao thông vận tải
-	Đường nối từ nút giao IC-9 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến đường 35m Thị xã Phú Thọ	596/QĐ-UBND ngày 26/3/2015	115 946	111 879	2 650	Sở Giao thông vận tải
-	Tu bổ tôn tạo di tích địa điểm chiến thắng sông Lô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	2815/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2 348	2 141	207	UBND huyện Đoan Hùng

-	Duy tu sửa chữa tuyến đường ĐH 72 từ xã Tề Lễ đi xã Xuân Quang, huyện Tam Nông	2843/QĐ-UBND ngày 16/8/2018	4 472	2 000	1 500	UBND huyện Tam Nông
-	Mở rộng, kéo dài trục hành lễ Khu di tích lịch sử Đền Hùng gặp đường sắt Hà Nội - Lào Cai, thuộc dự án tuyến đường nối từ vườn Quốc gia Xuân Sơn đến Khu di tích lịch sử Đền Hùng	3486/QĐ-UBND, 20/10/2009; 86/QĐ-UBND, 11/01/2010	451 848	448 441	1 000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Tu bổ, hoàn chỉnh và gia cố mặt đê Tả sông Thao	1209/QĐ-UBND, 24/5/2017; 2174/QĐ-UBND, 05/8/2008; 390/QĐ-UBND, 05/02/2013; 1977/QĐ-UBND, 07/8/2013	615.355	580.044	10.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở nhà làm việc Báo Phú Thọ và Hội nhà báo tỉnh	2460/QĐ-UBND ngày 20/9/2017	9124	6 000	2.800	Báo Phú Thọ
-	Xử lý sạt lở bờ, vở sông đoạn Km20+420-Km21+400 và đoạn km21+950 đến km22+940 đê tả Đà, huyện Thanh Thủy.	2357 ngày 02/10/2014, 2944 ngày 25/11/2014	62 988	125 976	4 500	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Nâng cấp, cải tạo nhà bếp, nhà ăn tập thể Trường Chính trị tỉnh	3752/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	2 171	1 568	500	Trường Chính trị tỉnh
-	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 06 phòng học Trường THPT Hiền Đa	2847/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6 900	3 950	1 500	Trường THPT Hiền Đa
-	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng và cải tạo, sửa chữa các công trình Trường THPT Đoan Hùng	588/QĐ-UBND ngày 17/3/2016; 1873/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	7 827	4 650	1 507	Trường THPT Đoan Hùng
-	Dự án khu tái định cư Đại học Hùng Vương	3014/QĐ-UBND, 01/10/2009	209.900	207.762	2.138	UBND thành phố Việt Trì
-	Đường giao thông nối các xã Thượng Long - Nga Hoàng - Hưng Long	20/QĐ-UBND ngày 29/5/2019	42.694	40.731	1.963	UBND huyện Yên Lập
-	Chung cư sinh viên thành phố Việt Trì	827/QĐ-UBND ngày 03/4/2013	319.447	317.114	2.333	Sở Xây dựng
-	Cải tạo, nâng cấp đường chiến thắng Sông Lô	539/QĐ-UBND ngày 05/3/2008; 230/QĐ-UBND, 04/2/09; 3451/QĐ-UBND, 22/10/09; 1511/QĐ-UBND, 31/5/10	718 884	488 570	1 500	Sở Nông nghiệp và PTNT

-	Đường sơ tán dân thuộc các huyện Cẩm Khê, Yên Lập, Thanh Sơn - Gói thầu số 2	231/QĐ-UBND ngày 4/2/2009; 497/QĐ-UBND ngày 01/3/2010; 1795/QĐ-UBND ngày 23/5/11	550.400	547.172	1 135	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Tu bổ, gia cố và nâng cấp tuyến đê hữu sông Lô đoạn K0-K9+200 huyện Đoan Hùng	1823/QĐ-UBND, 30/6/2008	69.339	66.892	2.400	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Nâng cấp hệ thống đê tả hữu ngòi Cỏ kết hợp đường sơ tán dân huyện Cẩm Khê	988/QĐ-UBND ngày 28/3/2011; Số 2039/QĐ-UBND ngày 14/8/2013	106.548	104.246	2.302	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Đắp tôn cao, mở rộng và cứng hóa mặt đê tả sông Thao kết hợp đường giao thông đoạn km0-km17, huyện Hạ Hòa (giai đoạn II: Đoạn km15 đê tả sông Thao - đầu cầu Lửa Việt) (gói thầu số 13)	2887 ngày 25/11/2015; 2433 ngày 19/9/2017	24 408	22 600	1.500	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước vùng Phương Xá, huyện Cẩm Khê	1481/QĐ-UBND ngày 01/7/2015	50.947	46.201	3.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Khu tái định cư di dân vùng bị lún sụt đất xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba (giai đoạn 1)	517/QĐ-UBND ngày 28/02/2013	113.845	77.525	1.500	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy	2490/QĐ-UBND, 30/10/2019	14 000	2 000	2 856	UBND huyện Thanh Thủy
2	**Công trình, dự án chuyển tiếp**		**2 900 733**	**1 210 179**	**196 040**	
a	***Các sở, ban, ngành***		***1 973 170***	***840 186***	***96 480***	
*****	*Ban Quản lý các Khu công nghiệp*		**24 038**		**3 000**	
-	Nhà liên kết đào tạo phục vụ hoạt động của Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp	2691/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	3 517		500	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp
-	Hệ thống điện chiếu sáng, bốt bảo vệ Khu công nghiệp Trung Hà, huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ	2693/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	5 640		500	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp
-	Sửa chữa, thảm mặt đường tuyến D6-1A KCN Thụy Vân	1074/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	14.881		2 000	Ban Quản lý các Khu công nghiệp

*	*Sở Giao thông Vận tải*		**489 250**	**269 460**	**24 200**	Sở Giao thông vận tải
-	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 314 đoạn Thanh Ba-Hương Xạ	QĐ số 2246/QĐ-UBND ngày 23/9/2014	289 897	220 460	8 000	Sở Giao thông vận tải
-	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp ĐT313C đoạn Hương Lung - Văn Khúc, huyện Cẩm Khê	2333/QĐ-UBND 11/9/2017	52 981	9 000	4 000	Sở Giao thông vận tải
-	Đường nối từ đường dẫn cầu Đồng Quang vào Cụm công nghiệp Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	2851/QĐ-UBND, 28/10/2016	29 942	23 000	2 000	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ nút giao IC9 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến đường Hồ Chí Minh, thị xã Phú Thọ	2832/QĐ-UBND 30/10/2018	34 382	17 000	7 000	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 318	49/QĐ-UBND 13/1/2019; 1130/QĐ-UBND 28/5/2015; 34/QĐ-UBND 08/01/2019	82 048		3 200	Sở Giao thông vận tải
*	*Ngành giáo dục và đào tạo*		**174 550**	**71 602**	**40 100**	
-	Trường THPT Phương Xá	2811/QĐ-UBND, 28/10/2016	7 493	3 400	2 000	Trường THPT Phương Xá
-	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành, nhà hội trường và một số hạng mục phụ trợ của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ	2814/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2 850	1 500	1 000	Trung tâm GDTX tỉnh
-	Nhà lớp học tích hợp lý thuyết và thực hành 2 tầng 8 phòng trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ	3137/QĐ-UBND ngày 16/11/2018	4 500	3 000	1 000	Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ
-	Cải tạo, nâng cấp nhà xưởng thực hành và san nền, kè chắn đất Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ	4836 ngày 25/10/2016; 876/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	14 633	11 000	3 000	Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ
-	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng học, công trình vệ sinh, sửa chữa nhà lớp học - Trường THPT Lương Sơn	572/QĐ-UBND, 31/3/2016	7 881	4 400	1 500	Trường THPT Lương Sơn
-	Sửa chữa, cải tạo nhà ăn và xây nhà công vụ cho giáo viên Trường PTDT nội trú tỉnh		7 500	200	5 500	Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh

-	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Yên Lập	2851/QĐ-UBND, 31/10/2018	26 965	5 500	5 000	UBND huyện Yên Lập
-	Nhà lớp học bộ môn và nhà chức năng 3 tầng	586/QĐ-UBND ngày 16/03/2016	7 177	4 950	1 100	Trường THPT CN Việt Trì
-	Nhà Lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng- Trường THPT Trung Nghĩa	2850/QĐ-UBND 31/10/2018	4 445	2 500	1 500	Trường THPT Trung Nghĩa
-	Cải tạo nhà lớp học và phòng học bộ môn Trường THPT Phù Ninh		4 500	200	2 000	Trường THPT Phù Ninh
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà lớp học 3 tầng 18 phòng học (Nhà A1) Trường THPT Việt Trì	2810/QĐ-UBND 29/10/2018	4 761	1 500	3 000	Trường THPT Việt Trì
-	Nhà công vụ giáo viên - Trường THPT Văn Miếu	2876, ngày 31/10/2017	2 133	500	1 000	Trường THPT Văn Miếu
-	Nhà lớp học bộ môn Trường THPT Quế Lâm	2873/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5 272	4 000	1 000	Trường THPT Quế Lâm
-	Trường THPT Thanh Sơn (Thanh toán các hạng mục hoàn thành: Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng - nhà số 1, nhà số 2, nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng học; XD nhà thư viện và các phòng chức năng)	2342 ngày 20/7/2011	43 980	23 252	2 500	Trường THPT Thanh Sơn
-	Xây dựng nhà chức năng Trường THPT Hạ Hòa	2606 ngày 18/10/2019	7.061	150	2 000	Trường THPT Hạ Hòa
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà lớp học 3 tầng, cổng chính, hàng rào trước - Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp tỉnh	4755, ngày 22/10/2018	7 500	4 200	2 000	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp tỉnh
-	Hạ tầng giao thông và cảnh quan khu vực Khoa Đại học Nông Lâm Ngư Trường Đại học Hùng Vương		6.800	150	3 000	Trường ĐH Hùng Vương
-	Nhà Thư viện - Trường THPT Hiền Đa	2848/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2 198	700	1 000	Trường THPT Hiền Đa
-	Mở rộng sân phục vụ thể chất trường THPT Phong Châu	858/QĐ-UBND ngày 22/4/2019	6 901	500	1 000	Trường THPT Phong Châu
*	*Sở, ngành khác*		**615 727**	**90 524**	**24 680**	

-	Cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị thực hiện chuẩn quốc gia của Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Phú Thọ	871/QĐ-UBND	18 463	15 320	3 000	Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Phú Thọ
-	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Phú Thọ - Hạng mục Nhà kho hậu cần, kho kỹ thuật; nhà vệ sinh chung; nhà để xe ô tô, xe máy và hệ thống bơm nước sinh hoạt.	2051/QĐ-UBND ngày 14/8/2013; 3052/QĐ-UBND ngày 08/12/2015	129 577	27 000	2 000	Bộ CHQS tỉnh
-	Mua sắm, lắp đặt thiết bị nội thất các phòng làm việc, phòng họp, phòng khánh tiết Sở Kế hoạch và Đầu tư	2698/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	1.990	100	1 500	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp trụ sở làm việc của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh	2296/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	2 569	100	1 000	Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Tỉnh đoàn	2838/QĐ-UBND ngày 31/101/2018	9 905	2 200	2 000	Tỉnh đoàn
-	Cải tạo và nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Xây dựng Phú Thọ - Gói thầu số 1	2821/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1715/QĐ-UBND ngày 12/7/2019	9 988	4 000	2 000	Sở Xây dựng
-	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp trụ sở làm việc của Sở Công thương	2306/QĐ-UBND ngày 07/9/2017	14 642	7 250	1 000	Sở Công Thương
-	Nâng cấp trung tâm dữ liệu số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 1	2844/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5 532	2 000	2 000	Sở Thông tin và Truyền thông
-	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu di tích lịch sử Đền Hùng giai đoạn 2016-2020 (Hạng mục Cải tạo nhà vệ sinh)	712/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	359 811	3 500	680	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Cải tạo sửa chữa hồ Dộc Móc, huyện Đoan Hùng và hồ Cây Si, huyện Hạ Hòa	2678/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	9.000		4 000	Công ty TNHH NN MTV khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ
-	Cải tạo, sửa chữa một số phòng làm việc, phòng khách, hàng rào trụ sở Tỉnh ủy	2354/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	14 740	500	2 500	Văn phòng Tỉnh ủy
-	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình Trường Chính trị tỉnh		8 000		1 000	Trường Chính trị tỉnh
-	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Tỉnh ủy	2521/QĐ-UBND, ngày 28/9/2018	31 510	28 554	2 000	Văn phòng Tỉnh ủy
*	*Đối ứng các dự án ODA*		**669 605**	**408 600**	**4 500**	
-	Dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7)	1357/QĐ-BNN-XD ngày 19/6/2014	496 188	320 000	1 000	Sở Nông nghiệp và PTNT

-	Chương trình phát triển Giáo dục trung học giai đoạn 2	2681/QĐ-BGDĐT ngày 04/8/2016	49 888	16 000	1 500	Sở Giáo dục và Đào tạo
+	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 06 phòng học Trường THPT Hưng Hóa	2847/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6 942	6 400	500	Sở Giáo dục và Đào tạo
+	Nhà lớp học bộ môn 03 tầng Trường THCS Tạ Xá, huyện Cẩm Khê	2858/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6 632	5 300	500	Sở Giáo dục và Đào tạo
+	Nhà lớp học bộ môn 03 tầng THCS Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	2859/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6 630	5 300	500	Sở Giáo dục và Đào tạo
-	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Phú Thọ				1 000	Sở Công Thương
-	Hỗ trợ chính sách phát triển năng lượng và tăng cường tiếp nhận năng lượng bền vững tới khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo	309/QĐ-UBND, 2/2/2010; 2737/QĐ-UBND, 29/10/2013	123 529	72 600	1 000	Sở Công Thương
b	***Các huyện, thành, thị***		***927 563***	***369 993***	***99 560***	
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Đan Hà-Đại Phạm, huyện Hạ Hòa	2790, ngày 25/10/2017	41 902	3 000	1 500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa	4013/QĐ-UBND, 31/10/2016; 4723/QĐ-UBND, 15/11/2018	9 976	4 000	1 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp đường huyện tuyến Tiên Lương - Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê	2286/QĐ-UBND ngày 13/10/2016	14 937	5 000	1 900	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Cấp Dẫn - Hương Lung, huyện Cẩm Khê	1643a/QĐ-UBND ngày 27/06/2014 và 2898/QĐ-UBND ngày 04/12/2015	12 949	11 553	1 300	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo nâng cấp Đường giao thông liên xã tuyến Cát Trù - Điêu Lương, huyện Cẩm Khê	2610/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	14 977	9 000	2 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đê bao Đồng Vực, xã Đồng Lương	3090/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	15 000		3 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện ĐH46 từ thị trấn Sông Thao đi trung tâm xã Sai Nga, huyện Cẩm Khê	2043/QĐ-UBND ngày 07/10/2016	8 144	5 000	1 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường tránh thị trấn Sông Thao đoạn từ Bưu điện đi Bến xe và từ ngã ba thủy nông qua Bến xe đi Ql 32C (Gói thầu số 2)	2283/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 và 1333/QĐ-UBND ngày 19/6/2018	14 990	7 000	3 500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ TL322 (Km3+650) đi Đông Khê, huyện Đoan Hùng	2692/QĐ-UBND, 29/10/2018	14 896	6 000	2 000	UBND huyện Đoan Hùng

-	Cải tạo, nâng cấp Hội trường Huyện ủy Đoan Hùng	2675/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	8 938	6 000	1 500	Huyện ủy Đoan Hùng
-	Cải tạo nâng cấp đường giao thông đến khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, xã Yên Kiện	2635/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	3 210	1 000	1 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Xây dựng Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện (HM: Nhà thi đấu và luyện tập đa năng)	Số 870/QĐ-UBND ngày 24/6/2014; 3266/QĐ-UBND 05/10/2017	29 450	24 500	1 500	UBND huyện Lâm Thao
-	Xây dựng Khu tập kết rác thải tập trung trên địa bàn huyện Lâm Thao	666/QĐ-UBND 12/2/2018; 1378/QĐ-UBND 11/4/2018	11 182	9 600	1 100	UBND huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND huyện Phù Ninh	1511/QĐ-UBND ngày 25/6/2018	22 563	7 800	2 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tử Đà, huyện Phù Ninh (tuyến tỉnh lộ 323C đi xóm Hạ, xóm Gai, xóm Ba Hàng)	3283/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	5 898	2 000	1.000	UBND xã Tử Đà, huyện Phù Ninh
-	Bảo quản cấp thiết di tích khảo cổ Xóm Rền, xã Gia Thanh, huyện Phù Ninh	2879 ngày 7/11/2019	4.500		3 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Đạo, đoạn từ Bến Đá đi Bờ Hót và nhánh rẽ	2706/QĐ-UBND ngày 24/8/2018	14 495	3 000	2 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thị trấn Phong Châu đoạn QL 2 đi xã Tiên Du - Cảng An Đạo	3233/QĐ-UBND 31/10/2018	9 983	900	2 000	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo nâng cấp đường huyện P2, huyện Phù Ninh (đoạn từ ĐT 323H đi UBND xã Gia Thanh - huyện Phù Ninh)	3082a ngày 8/10/2018	14 950		1 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Phong Châu (đoạn QL2 đi khu Đồng Giao)	2159a ngày 4/8/2016	11 500	8 000	2 000	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 316M (xã Hương Nộn, huyện Tam Nông đến xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy)	4284/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	24 850		3 000	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện ĐH80 thuộc địa phận xã Hồng Đà, huyện Tam Nông	số 4297/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11 941	2 900	3 000	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Văn Lương - Xuân Quang (đoạn từ UBND xã Văn Lương đến Km21 - ĐT 315 xã Xuân Quang), huyện Tam Nông	4361/QĐ-UBND 20/9/2019	14 500		2 000	UBND huyện Tam Nông

-	Nâng cấp tuyến đường đoạn Hương Nộn - Thọ Văn - QL 32 huyện Tam Nông	2852/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	19 933	14 640	4 000	UBND huyện Tam Nông
-	Đường giao thông liên huyện Thanh Thủy, Thanh Sơn (đối với đoạn thuộc địa bàn huyện Thanh Thủy)	526/QĐ-UBND ngày 16/3/2015	75 568	41 870	5 260	UBND huyện Thanh Thủy
-	Kè chống sạt lở bờ, vở sông Đà thuộc Khu 2, khu 3, khu 4 xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy	2592/QĐ-UBND 30/10/2018	14 938	5 000	8 500	UBND huyện Thanh Thủy
-	Cải tạo, nâng cấp kênh thủy lợi xóm Đèo Mương, Phai Cọ Sơn, xã Thu Ngạc, huyện Tân Sơn	4801; 19/9/2019	6.500		2 000	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ xã Văn Luông đến trung tâm xã Long Cốc, huyện Tân Sơn, phục vụ phát triển các sản phẩm chè kết hợp phát triển du lịch	5110; 21/10/2019	14 900	500	2 500	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xóm Trại xã Hương Cần đi xóm Đành xã Yên Lãng	17/QĐ-UBND ngày 18/9/2017	12 266	10 000	1 000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Xây dựng sân vận động huyện Thanh Sơn	3373/QĐ ngày 30/10/2017	6 853	1 000	1 000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Thanh Sơn	5089/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	12.500		1 500	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ Tràn Rích đến tràn Đồng Măng , xã Trung Sơn, huyện Yên Lập	1708/QĐ-UBND ngày 30/1/2017; 999/QĐ-UBND ngày 10/7/2018	14 920	8 000	2 500	UBND huyện Yên Lập
-	Sân vận động huyện Yên Lập	432 ngày 19/2/2013	24 135	19 135	3 000	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Sơn Tình, xã Lương Sơn đi khu Đồng Ve, xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập	1444/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	14 947	6 340	3 000	UBND huyện Yên Lập
-	Trạm bơm tiêu và hệ thống kênh tiêu Đồng Láng Bỗng, xã Thanh Đình và Thụy Vân, thành phố Việt Trì - Gói thầu số 5: Thi công XDCT (bao gồm chi phí XD, thiết bị, đóng điện, bàn giao, thẩm kế kỹ thuật điện, lập phương án kỹ thuật điện)	57/QĐ-UBND ngày 09/01/2012	48 923	41 260	2 000	UBND thành phố Việt Trì
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và trồng cây xanh khu HH4, HH5 thuộc Quảng trường Hùng Vương và Trung tâm dịch vụ tổng hợp thành phố Việt Trì	2343/QĐ-UBND ngày 19/9/2019	9 999	200	2 000	UBND thành phố Việt Trì

-	Kè xử lý sạt lở bờ tả sông Thao đoạn Km58+550 đến Km59+247, xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ	630/QĐ-UBND 19/3/2014	33 014	9 000	5 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Đường sơ tán dân cứu hộ cứu nạn thị xã Phú Thọ (đoạn từ QL2 đến đường dẫn lên cầu Ngọc Tháp	112/QĐ-UBND ngày 12/01/2012; 3990/QĐ-UBND ngày 15/12/2016	115 700	85 795	10 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Dự án: Đường từ đập Lim đến đồi Mả Sở phục vụ huấn luyện và diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh	728 ngày 11/6/2019; 2273 ngày 08/11/2019	17 181	11 000	3 000	UBND huyện Phù Ninh
3	**Công trình, dự án khởi công mới**		**74 778**		**10 000**	
-	Xây dựng Trung tâm quản lý điều hành Chính quyền điện tử Phú Thọ giai đoạn 2019-2020	2727/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14 847		5 000	Sở Thông tin và truyền thông
-	Đường Trường Chinh (đoạn từ UBND xã Phượng Lâu đến đê hữu sông Lô)	3117/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	59 931		5 000	UBND thành phố Việt Trì
II	**Hỗ trợ lồng ghép các nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các công trình giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, trạm y tế, trường học đạt tiêu chí nông thôn mới và hỗ trợ thanh toán nợ đọng XDCB các công trình đạt chuẩn nông thôn mới**		**1 537 243**	**389 226**	**300 570**	
1	***Hỗ trợ lồng ghép các nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các công trình giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, trạm y tế, trường học đạt tiêu chí nông thôn mới***		***906 218***	***122 816***	***201 110***	
-	Nhà lớp học trường Tiểu học Tuy Lộc 1, xã Tuy Lộc	2517/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	4 035	2 700	1 100	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên xã Tình Cương đi Văn Khúc, huyện Cẩm Khê	2613/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	14 920	9 500	2 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Nhà lớp học, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Đồng Lương, huyện Cẩm Khê	3091/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	13 500		1 500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn khu 7,8,9,10 xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê	3092/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	5 000		1 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ tỉnh lộ 313E đi trung tâm xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê	3093/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9 600		2 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo nâng cấp đường giao thông từ TL313 đi trung tâm xã Sơn Tình huyện Cẩm Khê (Gói thầu số 2)	2253/QĐ-UBND ngày 12/10/2016	9 985	4 000	1 500	UBND huyện Cẩm Khê

-	Đường GTNT đến UBND xã Thanh Nga, huyện Cẩm Khê	2600/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	12 363	3 900	6 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 313 đi khu 5 khu 7 khu 8 xã Hương Lung huyện Cẩm Khê	3094/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	7 500		1 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ HTX Cá chép đỏ và dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thủy Trầm, xã Tuy Lộc (Cải tạo, nâng cấp đường giao thông, xây dựng kênh tưới)	1787/QĐ-UBND ngày 16/8/2019	12 532	4 910	1 500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo nâng cấp đường GTNT từ tỉnh lộ 318 đi thôn 3, thôn 4, thôn 9 xã Vân Đồn, huyện Đoan Hùng	2321/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 2708/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	12 900		3 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Nhà lớp học Trường mầm non Yên Kiện, huyện Đoan Hùng	2311/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 2725/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	6 300		1 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ TL 323I đi thôn 3, xã Đại Nghĩa, huyện Đoan Hùng	2296/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 2710/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	5 600		1 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Trường Mầm non Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng	2659/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10 009	4 000	1 500	UBND huyện Đoan Hùng
-	Nhà lớp học và các phòng học bộ môn trường THCS Vụ Quang	2114/QĐ-UBND ngày 05/8/2019; 2707/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	5 500		1 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học thị trấn Đoan Hùng	2316/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 2711/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	5 500		1 500	UBND huyện Đoan Hùng
-	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCS Quế Lâm	2729- 29/10/2018	3 543	2 139	1 300	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã từ QL2 qua Phượng Hùng xã Chí Đám đi thôn 10 xã Vân Du	2073/QĐ-UBND ngày 01/8/2019; 2712/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	6 500		1 500	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ thôn 4 đi thôn 5, xã Minh Lương, huyện Đoan Hùng	2129/QĐ-UBND ngày 06/8/2019; 2713/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	5 600		3 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường QL 70 đi thôn 6 và thôn 7 đi thôn 11 xã Quế Lâm, huyện Đoan Hùng	2127/QĐ-UBND 06/8/2019; 2715/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	5 700	1 000	2 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Nhà lớp học Trường tiểu học Vân Du, huyện Đoan Hùng	2327/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 2740/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	4 200		500	UBND huyện Đoan Hùng
-	Nhà điều hành Trường mầm non Minh Phú, huyện Đoan Hùng	2315/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 2729/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	3 000		1 200	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục Thôn 8, xã Minh Phú, huyện Đoan Hùng	2128/QĐ-UBND ngày 06/8/2019; 2714/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	5 500		3 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Sửa chữa tuyến đường nối từ QL 32C với đường QL 2D, thị trấn Lâm Thao	3344/QĐ-UBND ngày 20/10/2017	5 877	3 000	2 000	UBND huyện Lâm Thao

-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Vĩnh Lại - Bản Nguyên đoạn từ nhà ông Tình Tấn đến trạm bơm gối gạo xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao	3845/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	7 000		2 800	UBND xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn từ QL 32C đi khu 3 xã Tiên Kiên	3846/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12 000		3 000	UBND huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, GTNĐ kết hợp kiên cố hóa kênh mương đường Cầu Cọc (cổng nhà Liên Hòa khu 15) đi cửa đập B, xã Xuân Lũng	3847/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3 000		1 000	UBND xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học, nhà điều hành trường Tiểu học Thạch Sơn	4145/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2 023	0	500	UBND xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã An Đạo	1958 ngày 26/9/2019	6 979		2 000	UBND xã An Đạo, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Giáp, đoạn cây si Khu 2 đi Khu 7	3222 ngày 22/10/2018	8 478	1 500	700	UBND xã Trung Giáp, huyện Phù Ninh
-	Nâng cấp, cải tạo đường huyện P3 đoạn QL.2 đi UBND xã Tiên Phú	1868 ngày 18/9/2019	6 240		3 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Gải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Lộc, tuyến từ Trung tâm khu 2 đi Trung tâm y tế huyện Phù Ninh	3254/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	3 913	1 500	500	UBND xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Gia Thanh (đoạn huyện lộ P2 đi huyện lộ P5 đi qua địa bàn khu 2 xã Gia Thanh)	1484 ngày 04/6/2012	10 263	5 010	2 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Vĩnh Phú	1570 ngày 30/6/2017	8 256	4 700	2 000	UBND xã Vĩnh Phú, huyện Phù Ninh
-	Sửa chữa đường nối từ Nhà máy cấp nước Phú Thọ đi qua đập 54 về cổng A sới chọi trâu xã Phù Ninh	161 ngày 21/01/2013; 4389 ngày 31/12/2014	9 895	6 885	1 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tiên Phú (tuyến từ đường huyện P3 đi xã Liên Hoa)	1959 ngày 26/9/2019	4 253		800	UBND xã Tiên Phú, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Giáp (tuyến từ đường huyện P1 khu 7 đi đường tỉnh 323G)	1960 ngày 26/9/2019	4 668		1 000	UBND xã Trung Giáp, huyện Phù Ninh
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Hạ Giáp	1961 ngày 26/9/2019	6 044		1 000	UBND xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh

-	Đường giao thông liên xã Gia Thanh - Phú Lộc (đoạn nối HLP2 - ĐT323D) huyện Phù Ninh	2777 ngày 6/9/2018	14 200		2 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Nhà điều hành và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non Lệ Mỹ	2041 ngày 19/6/2018	10 552	1 200	1 000	UBND xã Lệ Mỹ, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, sửa chữa đường liên xã Phú Nham, Gia Thanh đoạn đường tỉnh 323H xã Phú Nham đi đường huyện P2 xã Gia Thanh	1904 ngày 23/9/2019	14 800		1 000	UBND xã Phú Nham, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT xã Bình Bộ đoạn từ khu 4 đi đường tỉnh 323C	1902 ngày 23/9/2019	11 310		1 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn từ QLII (cổng UB huyện) đi cổng trường tiểu học Phù Lỗ - khu Bãi Thơi, thị trấn Phong Châu	1903 ngày 23/9/2019	7 400		1 000	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiêu từ Ao Sen đi cầu Ba Ngả xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh	1240a ngày 01/6/2017	3 895	1 000	1 000	UBND xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Nham, đoạn đường tỉnh lộ 323H trung tâm xã đi xóm chùa kết nối với đường vành đai Tổng công ty giấy Bãi Bằng	1392 ngày 6/9/2019	6 031		2 000	UBND xã Phú Nham, huyện Phù Ninh
-	Sửa chữa hè phố thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh (đoạn từ ngã Tư Trại Tây đến Ngã Ba Phù Lỗ và các nhánh rẽ)	3322 ngày 31/10/2018	9 466	2 000	1 800	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Nhà lớp học 8 phòng Trường THCS Phú Lộc	1955 ngày 26/9/2019	7 875	500	2 110	UBND xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn khu 7, xã Thọ Văn	4225/QĐ-UBND ngày 11/9/2019	3 000		1 000	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT khu 6, xã Thọ Văn	4242/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	7 000		4 000	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn liên khu 4, 5 xã Tề Lễ, huyện Tam Nông	4265/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	4 000		1 500	UBND huyện Tam Nông
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non Thanh Uyên	Số 2774/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	5 938	1 092	3 000	UBND xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông
-	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng học trường Mầm non xã Hương Nộn	Số 93/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	4 385	2 000	1 500	UBND xã Hương Nộn, huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hiền Quan, huyện Tam Nông	4373/QĐ-UBND ngày 23/9/2019	6 330		1 500	UBND huyện Tam Nông
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non Hiền Quan	số 2821/QĐ-UBND ngày 06/5/2019	7 247	2 800	1 000	UBND huyện Tam Nông

-	Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên xã Thanh Uyên - Xuân Quang	số 2020/QĐ-UBND ngày 06/3/2019	9 361	5 000	1 200	UBND huyện Tam Nông
-	Kè khẩn cấp bờ vở sông Đà đoạn Km 4+800 - Km 6+000 đê tả Đà trên địa bàn xã Yến Mao	Số 2461/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14 800	200	3 000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Đường GTNT khu 3 đi khu tái định cư xã Phượng Mao, huyện Thanh Thủy	Số 2489/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6 500	200	1 000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Nhà lớp học trường THCS xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy	Số 3390/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	7 948	4 888	500	UBND huyện Thanh Thủy
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non xã Tân Phương, huyện Thanh Thủy	số 781/QĐ-UBND ngày 05/04/2019	6 945	1 500	1 500	UBND huyện Thanh Thủy
-	Đường giao thông nội đồng từ ngã tư Quán Ngói đi đập Giếng Sùi xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy	19/QĐ-UBND 08/8/2019	4 452	500	3 000	UBND xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy
-	Nhà lớp học 3 tầng trường tiểu học Sơn Thủy 2, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy	2460/QĐ-UBND, 29/10/2019	8 000	2 000	2 000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Nhà lớp học Trường Tiểu học Hoàng Xá 1, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	2606/QĐ-UBND, 31/10/2019	8 000	2 000	2 500	UBND huyện Thanh Thủy
-	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ 314C đi trung tâm xã Phương Lĩnh, huyện Thanh Ba	2900/QĐ-UBND; 21/10/2019	14 980		1.500	UBND huyện Thanh Ba
-	Đường GTNT khu 8 xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba (tuyến từ nhà ông Vân đến nhà ông Biên)	2901/QĐ-UBND; 21/10/2019	9 150		1.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Năng Yên, huyện Thanh Ba (Tuyến từ trung tâm xã đi Quốc lộ 2)	/QĐ-UBND; 21/10/2019	9 500		2.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại An, tuyến từ Nhà văn hóa khu 7 đi xã Thái Ninh	2902/QĐ-UBND; 21/10/2019	6 500		900	UBND xã Đại An, huyện Thanh Ba
-	Đường giao thông nông thôn nội đồng khu 1, khu 2, khu 3, khu 4 xã Sơn Cương huyện Thanh Ba	2903/QĐ-UBND; 21/10/2019	3 000		1 000	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn liên xã Chí Tiên đi Sơn Cương huyện Thanh Ba	2904/QĐ-UBND; 21/10/2019	7 200		1.200	UBND huyện Thanh Ba
-	Đường GTNT xã Yển Khê đi xã Đồng Xuân (tuyến từ hồ quán sấu xã Yển Khê đi khu 7 xã Đồng Xuân)	2905/QĐ-UBND; 21/10/2019	12 500		2 500	UBND huyện Thanh Ba
-	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 8 phòng Trường THCS Đồng Xuân huyện Thanh Ba	2906/QĐ-UBND; 21/10/2019	4 200		3.000	UBND huyện Thanh Ba

-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba	2907/QĐ-UBND; 21/10/2019	5 800		1.500	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thông kênh mương xã Mạn Lạn, huyện Thanh Ba	2908/QĐ-UBND; 21/10/2019	5 200		1.500	UBND huyện Thanh Ba
-	Nhà lớp học 8 phòng Trường THCS Thanh Xá, huyện Thanh Ba (đối ứng vốn hỗ trợ của Bộ Ngoại giao)	2290a/QĐ-UBND; 19/10/2018	3 500		500	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT khu Lóng xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn	3279, 25/9/2017	10 501	9 000	1 500	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT khu Đồng Tún, xã Văn Luông. Đoạn đi xóm Mành	4277; 13/9/2018	13 337	27	2 000	UBND huyện Tân Sơn
-	Đường GTNT BTXM đi xóm Ngọc Chấu khu Đồng Gạo xã Văn Luông	4797; 19/9/2019	6 500	500	3 500	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Đài, huyện Tân Sơn (đoạn từ Xóm Tân Lập, xã Minh Đài đi xóm Đải xã Long Cốc)	4706/QĐ-UBND 31/10/2018	8 898	730	2 500	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ Xóm Quyền 1 xã Kim Thượng đi xóm Đìa xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn	5111; 21/10/2019	10 000		1 000	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ xóm Thính xã Tân Sơn đi xóm Ít, xóm Liệm xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn	5104; 21/10/2019	5 500		1 600	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học Trường Tiểu học Mỹ Thuận 1 và các hạng mục phụ trợ	5108; 21/10/2019	5 800		2 500	UBND huyện Tân Sơn
-	Đường giao thông từ ngã ba khu Quẽ đi khu Dáy xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn	4802/QĐ-UBND ngày 19/9/2019	8 500	500	1 500	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Sơn Hùng - Giáp Lai, huyện Thanh Sơn (đoạn km 89+700 QL32 đến km 19+400 ĐT 316)	4907/QĐ-UBND ngày 11/10/2019	14 500		4 500	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn (đoạn từ xóm Hà Thành đi xóm Chủng)	4908/QĐ-UBND ngày 11/10/2019	13 500		4 000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Yên Lãng	4156a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7 730	5 000	2 000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Khả Cửu (đoạn từ trung tâm xã đi xóm Sinh Dưới)	4818/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	9 836	3 000	1 500	UBND huyện Thanh Sơn

-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Khả Cửu, huyện Thanh Sơn (đoạn từ Sinh dưới đi Sinh trên)	4909/QĐ-UBND ngày 11/10/2019	12 000		1 500	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Khả Cửu, huyện Thanh Sơn (đoạn từ khu Vạch đi Bản Suối Lú)	5064/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	14 700		1 000	UBND xã Khả Cửu, huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, sửa chữa đập Kênh Đồng Chanh, xóm Mít 2 xã Tân Lập	5065/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	6 000		1 000	UBND xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Yên Lương, huyện Thanh Sơn (đoạn từ chợ Đón đi Hạ Thành)	5051/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	14 980		1 000	UBND xã Yên Lương, huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thượng Cửu (đoạn từ xóm Cảy đi xóm Chúa)	4797/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	6.000		500	UBNDxã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn
-	Đường GTNT xã Đông Cửu (đoạn từ xóm Vừn đi xóm Muỗng)	4798/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	6.000		500	UBND xã Đông Cửu, huyện Thanh Sơn
-	Nhà điều hành + Nhà lớp học trường THCS Thục Luyện	4140/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5 788	1 500	500	Trường THCS Thục Luyện, UBND huyện Thanh Sơn
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT khu 9, khu 2, xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ	3280/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	8 650		2 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Cải tạo đường GT nội đồng kết hợp kênh mương, cống thoát nước khu vực vườn Cải, quán Mãi, xã Hà Thạch	3281/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	5 200		1 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ đường Ngô Quyền đến khu vực đường Nguyễn Thái Học, phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ	3282/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	14 720	850	1 500	UBND thị xã Phú Thọ
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Lệnh Khanh - Đan Hà, huyện Hạ Hòa	4010/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	13 161	9 000	2 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Trường mầm non Chuế Lưu - Hạng mục Nhà điều hành	4551/QĐ-UBND, 24/10/2018	4 068	500	1 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Trạm Y tế xã Hậu Bổng	107 ngày 14/01/2016; 2096/UBND-VX3 ngày 02/6/2016	2 344	1 271	500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa	4693/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	12 941		2 500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Hệ thống mương thủy lợi xã Vĩnh Chân	4694/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	6 200		900	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng trường THCS Vô Tranh, huyện Hạ Hòa	4695/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	9 800		2 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Vô Tranh	4696/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	14 737		1 500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Lát vỉa hè, rãnh thoát nước tuyến phố Lạc Long Quân thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa	4810/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14 800		1 000	UBND huyện Hạ Hòa

-	Đường giao thông liên xã Lệnh Khanh - Đan Thượng (Đoạn từ ĐH64B đi ga Đan Thượng)	4697/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	8 500	500	3 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Đại Phạm (Tuyến từ ĐT314 đi khu 7)	4554/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	8 293	3 000	2 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Yên Kỳ (Đoạn từ ĐT314 - trung tâm xã)	4564/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	14 551		1 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Trường mầm non xã Phụ Khánh	4598/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	3 485		1 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, sửa chữa ngõ 186, đường Lê Quý Đôn, Ngõ 457 đường Châu Phong, thành phố Việt Trì	3143/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	2 600		1 200	UBND thành phố Việt Trì
-	Đường bê tông và mương tiêu Cụm công nghiệp Bạch Hạc, thành phố Việt Trì	3144/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	4 980		2 000	UBND phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì
-	Nâng cấp, cải tạo đường BTXM khu Xóm Mai, xã Trưng Vương (đoạn từ chùa Bối Linh ra kênh tiêu số 3)		4 000		2 000	UBND xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Thụy Vân (Tuyến sau kênh cứng cấp 1, thôn Nỗ Lực)	3569/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	7 000		2 500	UBND thành phố Việt Trì
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp lớp học, cổng sân vườn và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Hy Cương	90/QĐ-UBND ngày 10/10/2019	2 000		700	UBND xã Hy Cương, thành phố Việt Trì
-	Sửa chữa, nâng cấp đường Tiên Phú, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì		4.673	1 350	2 000	UBND thành phố Việt Trì
-	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng, trường THCS Xuân Viên, huyện Yên Lập	2634/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	5 500		2 000	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ Q70B đi khu Dần - khu Vượng xã Xuân An	2673/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	7 500		3 000	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 70B đi khu Hưng Thịnh và khu Tân Hội, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập	2655/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	8 500		1 000	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu Tân Tiến, xã Thượng Long đến đường huyện 97 (xã Phúc Khánh), huyện Yên Lập	2638/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	12 000		1 500	UBND huyện Yên Lập

-	Sửa chữa hè phố quốc lộ 70B, thị trấn Yên Lập, tỉnh Phú Thọ (đoạn từ Bến xe cũ đến trường THPT Yên Lập), huyện Yên Lập	2650/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	9 800		1 000	UBND huyện Yên Lập
-	Công trình san nền (giai đoạn 2) thuộc Dự án đầu tư xây dựng: Trung tâm dạy nghề huyện Yên Lập	2012/QĐ-UBND ngày 29/8/2014	6 205	3 284	1 000	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Lập
-	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non Nga Hoàng, huyện Yên Lập	1231/QĐ-UBND ngày 20/6/2019	2 827	1 180	1 600	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu Xe Ngà, xã Mỹ Lương đi khu Tân Sơn, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập	1238/QĐ-UBND ngày 20/6/2019	12 356		2 500	UBND huyện Yên Lập
2	***Hỗ trợ thanh toán nợ đọng XDCB các công trình hoàn thành, quyết toán đạt chuẩn nông thôn mới***		***631 025***	***266 410***	***99 460***	
-	Nhà làm việc Trạm y tế xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê	1960/QĐ-UBND ngày 22/9/2016; 1003/QĐ-UBND ngày 11/5/2018	3 681	2 100	1 200	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông Tuy Lộc - Ngô Xá - Phượng Vỹ huyện Cẩm Khê	3155/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	14 991	2 000	1 500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT khu 1 đi khu 2 và khu 9 đi khu 15, xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng	2323/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 2716/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	5 800		1 500	UBND huyện Đoan Hùng
-	Nhà lớp học 3 tầng 3 phòng trường tiểu học Cao Xá	3160 ngày 20/9/2017	1 142		1 000	UBND xã Cao Xá, huyện Lâm Thao
-	Tuyến đường từ QL32C đi Sơn Vi (giai đoạn 2)	2625/QĐ-UBND ngày 30/12/2011; 2191/QĐ-UBND ngày 22/10/2012; 1271/QĐ-UBND ngày 06/9/2013; 1858/QĐ-UBND ngày 30/11/2015	14 885	10 885	500	UBND huyện Lâm Thao
-	Cải tạo tuyến đường trục giao thông xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao tuyến từ UBND xã đi đền Giếng Giá, đền Thánh Mẫu, chùa Phúc Ân đến giáp thị trấn Lâm Thao	3919/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	9 394	1 300	800	UBND xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao
-	Nhà điều hành + lớp học trường tiểu học Tứ Xã 2	09/QĐ-UBND 05/01/2015	3 162	1 712	1 000	UBND xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao
-	Sân cổng, tường rào Trường Mầm non Cao Xá 2, xã Cao Xá	1131/QĐ-UBND 31/10/2016	983		900	UBND xã Cao Xá, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ Ngã ba (khu 7) đi đập Nhà Nhen, xã Tiên Kiên	2003/QĐ-UBND 29/6/2018	6 169	2 400	1 500	UBND xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao

-	Xây dựng Đình Thạch Sơn thuộc dự án Phục chế, nâng cấp quần thể di tích đình, chùa xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	2052/QĐ-UBND ngày 24/4/2019	4 197	800	500	UBND xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao
-	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học Trường Mầm non Tiên Kiên	3294/QĐ-UBND ngày 11/10/2017	8 324	4 500	500	UBND xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao
-	Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ thị trấn Hùng Sơn	3195/QĐ-UBND, 27/9/2017	7 680	800	1 000	UBND thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu từ kênh Diên Hồng ra ngòi tiêu từ Hà Thạch ra Vĩnh Mộ, xã Thạch Sơn	2126/QĐ-UBND ngày 20/7/2018	5 192	2 500	1 100	UBND xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh (đoạn từ QL2 đi Khu 1 Hò He)	3225/QĐ-UBND 22/10/2018	13 146	5 000	1 500	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Nhà điều hành trường tiểu học xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh	1508(a)/QĐ-UBND, 24/7/2013	4 704	3 680	510	UBND xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh
-	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học số 02 Trường TH Phù lỗ, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	2629/QĐ-UBND, 09/10/2014	4 732	3 892	420	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Trị Quân, huyện Phù Ninh (đoạn ngã tư khu 5 - đường tỉnh 323D)	3124/QĐ-UBND ngày 11/10/2016	7 496	4 000	2 000	UBND xã Trị Quận, huyện Phù Ninh
-	Đường GTNT xã Bình Bộ (đoạn Gò cây Nụ khu 7 đi đường Chiến thắng sông Lô)	3302a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4 471	1 000	1 500	UBND xã Bình Bộ, huyện Phù Ninh
-	Đường GTNT xã Bình Bộ (đoạn Gò cây Nụ khu 7 đi đường Chiến thắng sông Lô, giai đoạn 2)	1956/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	6 000		1 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Nhà lớp học kết hợp nhà điều hành 02 tầng; nhà lớp học kết hợp nhà ăn 02 tầng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Bình Bộ - xã Bình Bộ	1062/QĐ-UBND ngày 23/3/2018	12 310	6 500	1 500	UBND xã Bình Bộ, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất đạt chuẩn năm 2019 Trường mầm non Gia Thanh	3224/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	6 441	1 500	1 000	UBND xã Gia Thanh, huyện Phù Ninh
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học An Đạo	3227a/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	4 961	1 000	1 000	UBND xã An Đạo, huyện Phù Ninh
-	Đường GTNT xã Bình Bộ, huyện Phù Ninh, Tuyến 03: Đường từ cống bốn nhánh - Nhà ông Dương khu 5	2185/QĐ-UBND ngày 05/8/2016	2 889		950	UBND xã Bình Bộ, huyện Phù Ninh

-	Cải tạo, nâng cấp nhà trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh	Số 3183 ngày 19/10/2018	4 400	1 000	1 000	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Vực Trường - Hiền Quan, huyện Tam Nông	4270/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	8 557	2 901	2 000	UBND huyện Tam Nông
-	Nhà điều hành trường Tiểu học Tứ Mỹ	58/QD-UBND ngày 26/10/2018	3 607	1 794	500	UBND xã Tứ Mỹ, huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phương Thịnh đoạn khu 5 đi Đồng Thảo và từ Või đi Đề Thình	35/QĐ-UBND, ngày 23/10/2018	3 916	761	1 500	UBND xã Phương Thịnh, huyện Tam Nông
-	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Dậu Dương, huyện Tam Nông	4312/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4 257	1 000	1 000	UBND huyện Tam Nông
-	Tu bổ, tôn tạo đền Mẫu, thị trấn Hưng Hóa	1106/QĐ-UBND ngày 15/7/2017	12 219	8 070	500	UBND thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông
-	Đường GTNT từ tỉnh lộ 317 đi khu 6 xã Tu Vũ	25/QĐ-UBND ngày 25/9/2019	6 739		1 800	UBND xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy	2591/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7 200	2 000	1 000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Di tích quốc gia Đình Hạ Bì Trung xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy	812/QĐ-UBND ngày 16/4/2019	1 226	400	500	UBND xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy
-	Cải tạo, nâng cấp sửa chữa vỉa hè khu vực thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba	2343/QĐ-UBND 22/10/2018	14 719	1 199	1.880	UBND huyện Thanh Ba
-	Khu tập kết rác thải tập trung trên địa bàn huyện Thanh Ba	2343/QĐ-UBND 22/10/2018	14 719	4 500	1.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn khu 7 thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba (Tuyến nhà ông Tín đi nhà ông Tiến)	2158/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	8 472		1.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Thanh Xá đi Hoàng Cương, huyện Thanh Ba	2315/QĐ-UBND 22/10/2018	5 116		1.200	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp Hồ đầm bềnh xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba	2316/QĐ-UBND 22/10/2018	12 075	3 796	300	UBND huyện Thanh Ba

-	Nhà lớp học kiêm phòng chức năng và phòng bộ môn Trường THCS Cát Trù, huyện Cẩm Khê	3197/QĐ-UBND 30/10/2018	3 357	1 500	1.000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Sửa chữa, bảo trì tuyến đường Đỗ Sơn (huyện Thanh Ba) - Thanh Minh (thị xã Phú Thọ) đoạn tuyến từ khu 5 đi Cụm công nghiệp huyện Thanh Ba	2289/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	9 164	3 000	1.500	UBND huyện Thanh Ba
-	Công trình cải tạo nâng cấp đường Tân Phú - Văn Luông huyện Tân Sơn	3278 ngày 25/9/2017	13 127	4 514	1 500	UBND huyện Tân Sơn
-	Đường vào Cụm công nghiệp Tân Phú, huyện Tân Sơn	2805/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	12 200	1 500	3 500	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNTừ QL 32A đi khu Suối Rơm, xã Thu Cúc	4702/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	10 936	5 500	3 000	UBND huyện Tân Sơn
-	Nhà lớp học + bếp ăn trường mầm non khu B xã Thục Luyện	3839/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5 937	2 500	2 000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Nhà lớp học trường Mầm non Tất Thắng	3902/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	8 008	1 900	1 000	Trường Mầm non Tất Thắng, huyện Thanh Sơn
-	Nhà lớp học Trường Mầm non Võ Miếu 2	3699/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	6 212	3 435	500	Trường Mầm non Võ Miếu 2, huyện Thanh Sơn
-	Nhà lớp học Trường Mầm non Thạch Khoán	1851a/QĐ-UBND ngày 16/6/2017	6 629	3 500	500	Trường Mầm non Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn
-	Tu sửa cấp thiết di tích đình Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn	694/QĐ-UBND ngày 28/02/2019	4 719	3 083	1 000	UBND xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp Đường Nguyễn Thái Học, phường Trường Thịnh	5349/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	6 734	3 000	1 000	UBND phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ
-	Đường GTNT đoạn qua khu 7 xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ	5344/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	3 316		1 500	UBND xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trung tâm xã Hà Thạch đoạn từ TL 325B đến TL 320B	934a/QĐ-UBND ngày 31/03/2016	14.699	10 000	3 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Khắc phục hệ thống thoát nước nội thị - Tuyến Đường Cao Bang, Lê Văn Hưu, Hòa Bình, Đền Đõm, Cao Du	5342/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	14 900	4 000	2 000	UBND thị xã Phú Thọ

-	Cải tạo, nâng cấp mặt đường Cao Bang nối từ Ngã tư Gốc quéo đi bệnh viện đa khoa, tuyến đường Âu Cơ ngã tư Bách hóa đến đoạn giao với đường Lê Đồng, thị xã Phú Thọ	QĐ số:4761 ngày 21/8/2018	4 705	3 000	1 500	UBND thị xã Phú Thọ
-	Chỉnh trang tuyến đường Sông Hồng, thị xã Phú Thọ (giai đoạn 2)	2962/QĐ-UBND 18/9/2017	6 781	4 000	2 200	UBND thị xã Phú Thọ
-	Trạm Y tế xã Minh Côi	4655/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3 614	2 000	500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Đường giao thông trục xã, kết hợp đường nội đồng xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa	3207/QĐ-UBND ngày 20/7/2011; 1412/QĐ-UBND ngày 03/5/2013	5 040	4 187	300	UBND xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo nâng cấp nhà hội trường kiêm nhà lớp học - Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hạ Hòa	1358a/QĐ-UBND ngày 3/10/2011; 3211/QĐ-UBND ngày 18/9/2012	3 565	2 117	1 200	Trung tâm BDCT, huyện Hạ Hòa
-	Đường du lịch Ao Châu - tuyến nhánh từ Bến thuyền Ao Châu nối đường dẫn cầu Hạ Hòa	550 ngày 14/3/07; 1298 ngày 14/5/2008; 1055 ngày 30/3/11, 900 ngày 12/4/2013	55 574	36 449	1 500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Trường mầm non xã Lang Sơn	4527/QĐ-UBND 22/10/2018	13 758	2 500	2 500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nhà làm việc kiêm hội trường UBND xã Phụ Khánh	3492/QĐ-UBND ngày 13/9/2013	3 372	1 919	1 500	UBND xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp cải tạo đường GTNT xã Lang Sơn, huyện Hạ Hòa	5162/QĐ-UBND ngày 17/10/2017	7 679	4 100	1 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nhà làm việc công an xã Y Sơn, huyện Hạ Hòa	87a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1 067	500	500	UBND xã Y Sơn, huyện Hạ Hòa
-	Trường Mầm non Minh Hạc	4009/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	6 681	5 000	800	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, sửa chữa các phòng học, phòng bộ môn và các công trình phụ trợ Trường THCS Bằng Giã, huyện Hạ Hòa	4640/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2 097		1 200	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chính Công, huyện Hạ Hòa (tuyến khu 2 đi đầm Đá)	3883/QĐ-UBND ngày 28/10/2014; 562/QĐ-UBND ngày 20/4/2015	15 716	11 638	2 500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường THCS Dữu Lâu, thành phố Việt Trì	10088/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	10 015	2 035	2 000	UBND phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì
-	Nhà lớp học 3 tầng Trường mầm non Hòa Phong	2546 ngày 23/10/2015	7 203	5 500	1 500	UBND Thành phố Việt Trì
-	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học Trường mầm non Hy Cương, thành phố Việt Trì	8576, ngày 27/10/2016	5 782	4 350	1 000	UBND xã Hy Cương, thành phố Việt Trì
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường tiểu học Tiên Dung, thành phố Việt Trì	8098/QĐ-UBND 15/9/2017	2 473	1 000	1 000	UBND phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì

-	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và vệ sinh Trường tiểu học Gia Cẩm, thành phố Việt Trì	3387 ngày 29/10/2018	2 977	2 000	500	UBND phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì
-	Đường vào UBND xã Tân Đức, TP Việt Trì	12166/QĐ-UBND ngày 24/12/2009	45 630	28 357	1 800	UBND Thành phố Việt Trì
-	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Hy Cương, thành phố Việt Trì	81/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	1 200		500	UBND xã Hy Cương, thành phố Việt Trì
-	Sửa chữa tuyến đường từ Trung tâm xã đi các khu Đồng Măng, Thành Xuân, Bằng, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập	1866/QĐ-UBND ngày 19/8/2019	730	300	400	UBND xã Trung Sơn, huyện Yên Lập
-	Nhà làm việc 2 tầng UBND xã Mỹ Lương	1887a/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	3 599	900	2 200	UBND huyện Yên Lập
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, trường Tiểu học Đồng Thịnh, huyện Yên Lập	309/QĐ-UBND ngày 19/2/2019	4 162	1 800	1 000	UBND huyện Yên Lập
-	Đường GTNT bằng bê tông xi măng loại B trục nội đồng khu Thống Nhất xã Đồng Thịnh năm 2015	118/QĐ-UBND ngày 10/11/2017	1.485	366	800	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn tuyến Quyết Tiến - Minh Tiến, xã Minh Hòa, huyện Yên Lập	1630/QĐ-UBND 25/10/2017	7 159	1 300	2 000	UBND huyện Yên Lập
-	Chỉnh trang vỉa hè, hành lang, hệ thống điện chiếu sáng đô thị, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	1589/QĐ-UBND 20/10/2017; 1883a /QĐ-UBND ngày 22/10/2018	14 848	4 000	1 800	UBND huyện Yên Lập
-	Đường giao thông Điểm định canh định cư tập trung Đồi Giang, xã Thượng Long và khu tái định cư Bến Sơn, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	813/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	1 297	970	300	UBND huyện Yên Lập
-	Đường giao thông nông thôn bằng bê tông xi măng từ quốc lộ 70B đi nhà ông Kiểm xóm Thịnh, xã Xuân An, huyện Yên Lập	1791/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	3 695	1 000	900	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tuyến Xuân Tân - Hưng Thịnh xã Lương Sơn	1665/QĐ-UBND 26/10/2017	6 710	3 500	1 500	UBND huyện Yên Lập
-	Công trình cấp nước tự chảy tập trung, khu văn hóa Văn Phú, xã Mỹ Lương	QĐ số 1381/QĐ ngày 21/10/2014	2 501	1 200	500	UBND huyện Yên Lập